

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	TL	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Thơ lục bát	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thôn g hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Thơ lục bát	Nhận biết: - Thể loại thơ lục bát. - Tác dụng của từ láy - Biện pháp tu từ đặc sắc. Thông hiểu: . - Tác dụng của hình ảnh thơ qua từ ngữ đặc sắc. - Nêu được cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình. -Vận dụng: Trình bày được cách nghĩ, cảm nhận được gợi ra từ văn bản.	3 TN	5TN	2TL	
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.	1*	1*	1*	1TL*
Tổng				3 TN	5TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau:

*“Ai về đất huyện Gò Công
Tân Thành bãi cát mênh mông đất trời.
Có đây đặc sản tuyệt vời
Ấy là nghêu trắng kính mời khách dùng.
Sơ ri hương rượu từng vùng
Ấm lòng du khách bịt bùng bữa vây.
Vườn cây trái ngọt mê say
Quê hương giàu đẹp ngày ngày vươn lên.”*
(Lê Ái Siêm)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Gọi tên thể thơ cho văn bản trên ?

- A. Thất ngôn tứ tuyệt.
- B. Lục bát.
- C. Thơ đường.
- D. Tự do.

Câu 2. Từ láy “*mênh mông*” trong câu thơ “Tân Thành bãi cát mênh mông đất trời.” gợi hình ảnh ?

- A. Rộng bao la, mờ mịt.
- B. Rộng lớn đến không có giới hạn.
- C. Rộng lớn, bao la, bát ngát.
- D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 3. Biện pháp tu từ đặc sắc mà tác giả sử dụng trong văn bản ?

- A. Liệt kê.
- B. So sánh.
- C. Ẩn dụ.
- D. Hoán dụ.

Câu 4. Đặc sản huyện Gò Công đi vào trang thơ của Lê Ái Siêm ?

- A. bãi cát, nghêu trắng.
- B. bãi cát, vườn cây trái.
- C. nghêu trắng, sơ ri.
- D. nghêu trắng, vườn cây trái.

Câu 5. Dòng nào sau đây nhận định đúng về niềm tự hào của người dân Gò Công ?

- A. Bãi biển mênh mông.
- B. Hải sản dồi dào.
- C. Cảnh sắc tươi đẹp.
- D. Quê hương giàu đẹp.

Câu 6. Hai tiếng “*kính mời*” thể hiện tình cảm gì của người dân xứ Gò ?

- A. Thương mến khách.
- B. Hiếu khách.
- C. Tôn trọng khách.
- D. Thương mến và hiếu khách.

Câu 7. Từ “ngày ngày” giúp xác định ý nghĩa gì trong câu thơ ““*Quê hương giàu đẹp ngày ngày vươn lên.*”

- A. Không gian.
- B. Nơi chốn.
- C. Nguyên nhân.
- D. Thời gian.

Câu 8. Tại sao tác giả không dùng từ *bãi biển* mà dùng “*bãi cát*”?

- A. Cát là dấu hiệu của biển.
- B. Nhấn mạnh đặc điểm của biển.
- C. Nét đặc trưng của biển.
- D. Cả ba câu trên đều đúng.

Trả lời câu hỏi:

Câu 9. Những hình ảnh nào làm nên nét đẹp xứ Gò?

Câu 10. Bài thơ đọng lại trong em những cảm nhận gì về vùng đất Gò Công?

II. TẬP LÀM VĂN: (4,0 điểm)

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân em.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 6

Phần	Câu	Nội dung	Điểm	
I		ĐỌC HIỂU	6,0	
	1	B	0,5	
	2	B	0,5	
	3	A	0,5	
	4	C	0,5	
	5	D	0,5	
	6	C	0,5	
	7	D	0,5	
	8	C	0,5	
	9	Những hình ảnh làm nên nét đẹp xứ Gò: bãi cát, nghêu trắng, sơ ri, vườn trái cây.	1,0	
	10	Cảm nhận của em từ bài thơ: niềm tự hào về Gò Công.	1,0	
		VIẾT	4,0	
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự	0,25	
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Kể về một trải nghiệm	0,25	
		c. Kể lại trải nghiệm HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:		
		- Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Giới thiệu được trải nghiệm	2.5	

		- Các sự kiện chính trong trải nghiệm: bắt đầu – diễn biến – kết thúc. - Cảm giác sau khi trải nghiệm		
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5	
		<i>e. Sáng tạo:</i> Có cách diễn đạt sáng tạo, dùng từ đặt câu, lời kể sinh động, thể hiện suy nghĩ sâu sắc mới mẻ về trải nghiệm.	0,5	